



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058



POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL # _____

I-171 : Yes, _____ No _____

EXIT PERMIT: Y. _____ N _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

HÔNG
Last

QUỐC
Middle

LONG
First

Current Address

74/9, Khu 3, Phường 2, TP. SAĐEC, Tỉnh ĐỒNG THÁP

Date of Birth

20-7-1936

Place of Birth

TỈNH NGHỆ AN

Previous Occupation (before 1975)
(Rank & Position)

CẤP ĐẠC TRƯỞNG SĨ CSQG MANG ĐẶC BIỆT CÁN BỘ NHÂN VIÊN NGÀNH CHỈ HUY ĐẶC BIỆT QUÂN ĐỤC THINH, TỈNH SAĐEC

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP

Dates : From 22-6-1975 To 21-11-1975

3. SPONSOR'S NAME:

HÔNG-QUỐC-TU
Name

2020 S. WOOD ST. SANTA ANA CA 92704 USA
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

HÔNG-QUỐC-TU

ANH RUỘT

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

(Listed on page 1)

DEPENDENT'S ADDRESS: (if different from above)

- Ngã rẽ, đường dẫn - biết tên, SADEC, do có - Nút, Hủy Tên: Tên - Tả BEE Tên - bảng FORNDA chỉ - cùng

HOI GIA-DINH TU-NHAN CHINH-TRI VIET-NAM P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA. 22205-0635

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH



NAME (Ten Tu-nhan) : HÔNG QUỐC LONG
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten)
DATE, PLACE OF BIRTH : 7 29 1936
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : AM Female (Nu) : 1936
MARITAL STATUS Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : YES
(Tinh trang gia dinh) :
ADDRESS IN VIETNAM : 74/2, KHUOM 3, PHUONG 2, THAI XA SADEC, TINH DONG-THAP
(Dia chi tai Viet-Nam) :
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) YES No (Khong) _____
If Yes (Neu co) : From (Tu) : 22-6-1975 To (Den) : 21-11-1975
PLACE OF RE-EDUCATION : TRAI QUAN-HUAN TYAN NINH TINH SADEC
CAMP (Trai tu) :
PROFESSION (Nghe nghiep) : SUA XE ĐẠP
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank-(Cap bac) : CẤP ĐẠC TRUNG-SĨ T CẢNH-SÁT QUỐC-GIA TINH SADEC
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc-vu) : THÀNH VIÊN NỘI-CHÍNH ANH ĐẮC BIẾT
QUÂN ĐỘI THINH (SADEC) Date (nam) : 1975
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : YES
IV Number (So ho so) : _____
No (Khong) : _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : _____
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi : _____
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : _____
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro) :
HÔNG QUỐC LONG _____
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : _____ No (Khong) : _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : _____
NAME & SIGNATURE : HÔNG QUỐC LONG ngay 13/7/78, Khuom 3, Phuong 2, Thai Xa SaDEC, Tinh Dong-Thap
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Low
DATE : 12 2 1978
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

[illegible]

NAME & ADDRESS OF SPONSOR RELATIVE (Tel va dia ch' nam n' d' SSSA) ASSOCIATION

:(рлсн) он

6. ADDITIONAL INFORMATION: *Tên và số nhà của khách sạn ở địa chỉ này là 1065*
 - *Ngành Cảnh sát Quốc gia của SADEL, do số Văn Mục Tiêu; Tên là BEEL Tên họ FORLIDA*

(1051) 2198

$\{y_{\alpha\beta}\} \quad y_{\alpha\beta}$

(T) 1950

: 3757

BAN QUẢN QUẢN

Số: 296/CN

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc lập-Dân chủ-Hòa bình-Trung lập

GIẤY CHỨNG NHẬN
HỌC TẬP CHÍNH TRỊ



Họ và tên: HỒNG QUỐC LONG

Tên thường gọi:

Ngày sinh: 1936

Quê quán: Nghệ An - Trung Việt

Chỗ ở hiện nay: Tân Xuân, SaĐéc

Số căn cước:

cấp bậc: Trung sĩ I

Chức vụ: Cảnh sát nội chính

Cơ quan: quân Đức Thịnh, SaĐéc

Đã học tập 7 ngày tại Ty An ninh SaĐéc

Nhập đảng: cao 1m60, nặng 48 kg

Dấu riêng: nốt ruồi cách 03 cm trước dải tai phải

Xác nhận số 69/AN

Dương sự có đến trình tại
Ban An Ninh Tân Phú Đông
ngày 24/11/1975

TM. UBND CÁCH MẠNG XÃ

Trưởng ban an ninh

(đã ký, đóng dấu)

HUYỀN VĂN VINH

Ngày 21/11/1975

TM. ỦY BAN QUẢN QUẢN SAĐEC
(đã ký, đóng dấu)

VŨ VĂN ĐANG

SAO Y BẢN CHÍNH SỐ: 242-146

Phường 2 ngày 24/3/1988



Wô Sim Luôn

MSB NK 4

(Ký tên đồng dấu, ghi rõ họ tên)

Genl. Naudon

NHÂN KHẨU THƯƠNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Nam Nữ	Quan hệ với Chủ Hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc CNCC	Ngày, tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký tên đóng dấu của cơ quan công an
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Số 181 Điền	1904	Nữ	Chủ Hộ	Yêu Điền		10.11.1976	(15-01-80 chết)	
02	Hồng Quốc Long	22.12.1936	Nam	con đẻ	Silaxe tại ấp Hòa Khóm xã An Phú		10.11.1976	8.8.79 về 19.2.80 binh, TAT, SaDEC	
03	Hồng Phi Khang	15.12.1961	Nam	cháu ngoại	Silaxe tại ấp Hòa Khóm xã An Phú		10.11.1976		
04	Hồng Thị Bích Phượng	21.12.1965	Nữ	cháu ngoại			10.11.1976		
05	Hồng Bạch Bạch	25.11.1965	NAM	cháu ngoại			10.11.1976	{ M. 9. 1976 H. V. Q. S. I, II / 85	
06	Hồng Phi Khắc	6.11.1966	NAM	cháu ngoại			10.11.1976		
07	Hồng Bạch Giang	6.12.1968	NAM	cháu ngoại			10.11.1976		
08	Hồng Phi Linh	22.12.1970	NAM	cháu ngoại			10.11.1976	Đã đăng ký bỏ đi 10.12.1972	
09	Nguyễn Kim Thiên	10.3.1971	Nữ	con ruột	Công nhân viên Khai thác Sạc		10.11.1976	Đã đăng ký	



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-560-0058



POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

NAME OF DEFENSE ATTORNEY
IV-1
VEML-1

I-171: Yes No

EXIT PERMIT: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are
or were formerly interned in re-education camps in Vietnam,
so that eligibility for U.S. admission via the Orderly
Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM
Last: HONG Middle: QUOC First: LONG

Current Address: 74/2, KHOM 3, PHUONG 2, THI XA SADEC, TINH DONG THAP

Date of Birth: 20-7-1936 Place of Birth: TINH NGHE AN

Previous Occupation (before 1975): CAP-BAL TRUNG-SI, CSQG NANGH ĐẶC-BIỆT CHUK VU NHAN-VIEN NOI CHIN
(Rank & Position) NGANH ĐẶC-BIỆT QUAN ĐUC THINH, TINH SADEC

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 22-6-1975 To 21-11-1975

3. SPONSOR'S NAME: HONG-QUOC-TU
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Relationship

HONG-QUOC-TU

ANH BUOT

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the
ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR),
you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are
eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130
must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA)

(Listed on page 1)

[illegible]

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

5. ADDITIONAL INFORMATION : *Trên vào người của anh là Quốc gia ngày 13-2-1965.*

- Ngôn ngữ - sát đặt - biệt Thủ SAGE, do có văn Mỹ Geo: Thiên - tá BEGI Tien - bang FORLIDA chỉ duy.

HOI GIA-DINH TU-NHAN CHINH-TRI VIET-NAM P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA. 22205-0635

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH



NAME (Ten Tu-nhan) : HÔNG QUỐC LONG
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten)
DATE, PLACE OF BIRTH : 7 20 1936
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : NAM Female (Nu) : NO
MARITAL STATUS : Single (Doc than) : NO Married (Co lap gia dinh) : YES
(Tinh trang gia dinh)
ADDRESS IN VIETNAM : 74/2, KHUON 3, PHUONG 2, TH. XA SABEC, TINH DONG-THAP
(Dia chi tai Viet-Nam)
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) YES No (Khong) NO
If Yes (Neu co) : From (Tu) : 22-6-1975 To (Den) : 21-11-1975
PLACE OF RE-EDUCATION : TRAI QUAN-HUAN TV AN-NINH TINH SABEC
CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghe nghiep) : SUA XE ĐẠP
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : TRUNG-LOAI CANG-SAT QUOC-GIA TINH SABEC
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : THAM-VIEN NOI-CHIN NGANH DAI DIA
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc-vu) : QUAN-DOC-TINH (SABEC) Date (nam) : 1975
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : YES
IV Number (So ho so) : NO
No (Khong) : NO
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : NO
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi den sau voi day du chi t:
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : NO
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi than nhan hay Nguo Bao tro) : HÔNG-QUỐC-LONG
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (Co) : NO No (Khong) : NO
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : ANH BUOT
NAME & SIGNATURE : HÔNG-QUỐC-LONG 74/2, KHUON 3, PHUONG 2, TH. XA SABEC, TINH DONG-THAP
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT : NO
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)
DATE : 12 2 1988
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

[illegible]

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (TE)
MAILING ADDRESS IN VN (DIA CHU TENG)

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Kh) (1)
 RELATIONSHIP WITH (Quan hệ với)
 NAME & SIGNATURE (Tên, Chữ ký)
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT (Địa chỉ và Điện thoại)
 DATE (Ngày)
 TIME (Thời gian)
 PLACE (Địa điểm)
 TOP SECRET (Top Secret)
 TÊN VÀ NGUYÊN NHÂN SÁM SẴN (Tên và nguyên nhân sảm sẩn)
 - Nguyên nhân sảm sẩn - Diệt Trĩ SÁM SẴN, do có vấn đề liên lạc giữa Trĩ SÁM SẴN và Trĩ SÁM SẴN.

House (Tussock)

: 3747

BAN QUẢN QUẢN

Số: 296/CN

CỘNG HÒA MIỀN NAM
Độc lập-Dân chủ-Hòa bình-Trung lập

GIẤY CHỨNG NHẬN
HỌC TẬP CHÍNH TRỊ



Họ và tên: HỒNG QUỐC LONG

Tên thường gọi:

Ngày sinh: 1936

Quê quán: Nghệ An - Trung Việt

Chỗ ở hiện nay: Tân Xuân, SaĐéc

Số căn cước:

cấp bậc: Trung sĩ I

Chức vụ: Cảnh sát nội chính

Cơ quan: quận Đức Thịnh, SaĐéc

Đã học tập 7 ngày tại Ty An ninh SaĐéc

Nhện dạng: cao 1m60, nặng 48 kg

Dấu riêng: nốt ruồi cách 03 cm trước dải tai phải

Xác nhận số 69/AN

Dương sự có đến trình tại

Ban An Ninh Tân Phú Đông

ngày 24/11/1975

TM. UBND CÁCH MẠNG XÃ

Trưởng ban an ninh

(đã ký, đóng dấu)

HUYỀN VĂN VINH

Ngày 21/11/1975

TM. ỦY BAN QUẢN QUẢN SAĐEC

(đã ký, đóng dấu)

VŨ VĂN ĐANG

SAO Y BẢN CHÍNH SỐ: 242/ub

Phường 2 ngày 24/10/1988



Kim Liên

THAY ĐỔI QUÂN Ở CẢ HỘ

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm
Ký tên đồng dấu

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Nội dung
Hộ khẩu đã viết sai
thực tên là Nguyễn
Khánh Sơn làm chủ hộ

Ngày 22 tháng 4 năm 80
Trưởng công an Thị xã Sài Gòn

Nội dung

Ngày tháng năm
Trưởng công an

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm
Ký tên đồng dấu

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm

Nội dung

Ngày tháng năm
Trưởng công an

Nội dung

Ngày tháng năm
Trưởng công an

Mẫu số NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số 706/H

Họ và tên chủ hộ

Số nhà 14/2

Ngõ (hẻm)

Đường phố

Đôn CAND

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh

Tên xã, phường

Tỉnh, thành phố

Ngày tháng năm

Trưởng công an

(Ký tên đồng dấu, ghi rõ họ tên)

NHÂN KHẨU THƯƠNG TRÚ TRONG HỘ

SỐ thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Nam Nữ	Quan hệ với Chủ Hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc CNCC	Ngày, tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký tên đóng dấu của cơ quan công an
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Đỗ Thị Kiều	1904	nữ	chủ hộ	Yêu cầu		10-11-1916	(15-01-80 chết)	
02	Trần Quốc Long	22-10-1936	nam	con đẻ	Sinh ra tại quê nhà KHOẢNG 200m phía Hố nước gần nhà		10-11-1976	8.8.79 về 49/2 bán binh, TAT, Sadeo	
03	Trần Thị Thanh	15-12-1961	nữ	cháu ngoại	Hố nước gần nhà		10-11-1976		
04	Trần Thị Bích Phượng	22-10-1965	nữ	cháu ngoại			10-11-1976		
05	Trần Thị Bích Ngọc	22-10-1965	NAM	cháu ngoại			10-11-1976	{ M.9.10.1981 - H.2.2.85 I, II / 85	
06	Trần Thị Kiều	16-11-1966	NAM	cháu ngoại			10-11-1976		
07	Trần Bạch Giang	6-12-1968	NAM	cháu ngoại			10-11-1976		
08	Trần Thị Linh	22-10-1965	NAM	cháu ngoại			10-11-1976	Đã đăng ký	Bố là Lý Do 1972
09	Nguyễn Kim Thiên	10-3-1981	nữ	con ruột	Công nhân Khai thác Sạc		10-11-1976	Đã đăng ký	

FROM : HỒNG QUỐC PHUNG
81/3 Khomei 3 Phường 2
Thị xã Sadec - Đồng Tháp
Viet-Nam

R

H
Nº 7 S 2



DEC 2 4 1960

TO : MRS KHUC MINH THO

P.O. BOX 5435

ARLINGTON VA 22205-0635

U. S. A.

AN
GAP
NHAN

MAY BAY
PAR AVION

Chữ số (I)